

Số: 36 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dệt kim Đông Phương

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTr ngày 10/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động, từ ngày 01/3/2023 đến ngày 02/3/2023, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dệt kim Đông Phương; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra,

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 20/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dệt kim Đông Phương (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446158, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 15/3/2021.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất sợi, vải dệt kim.
- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp gồm: hội đồng thành viên, 02 nhà máy và 05 phòng chuyên môn.
- Điện thoại giao dịch: 02723.751.801 Fax. 02723.751.802.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 21 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tài khoản giao dịch số 0071000595451 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đã thành lập tổ chức Công đoàn cơ sở.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 145 người.
- Tình hình sản xuất kinh doanh:



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		Năm 2022	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	-	418.001	-	301.929
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Triệu đồng	-	163.628	-	163.628
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	685.348	501.637	522.000	518.214
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	684.348	523.544	522.000	565.658
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	39.403	7.165	37.759	(22.569)
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.000	(21.907)	-	(47.444)

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

2.1. Quy định về tuyển dụng và đào tạo lao động

- Tuyển dụng:

+ Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra, doanh nghiệp tuyển mới 92 lao động.

+ Hình thức và phương thức tuyển dụng: tuyển dụng trực tiếp theo quy định tại quy trình tuyển dụng ngày 03/01/2022 của doanh nghiệp.

+ Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

+ Doanh nghiệp không giữ văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động khi được tuyển dụng.

Bước 6 đánh giá sau thử việc/học nghề tại điểm 1.2 mục 1 phần VI quy trình tuyển dụng quy định: “nếu người thử việc không đạt thỏa thuận với người lao động để thử việc lại” là không đúng quy định.

- Đào tạo:

+ Doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm.

+ Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ tại doanh nghiệp.

+ Doanh nghiệp không phát sinh trường hợp ký hợp đồng đào tạo nghề.

2.2. Các quy định (hoặc phân cấp) về giao kết hợp đồng lao động

- Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với người lao động trực tiếp quản lý theo bảng phân công nhiệm vụ số 06/2022/TB-ĐP ngày 21/01/2022.

- Tổng Giám đốc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với người lao động trực tiếp quản lý theo bảng phân công nhiệm vụ số 06/2022/TB-ĐP ngày 21/01/2022 (Giấy ủy quyền số 15/2022/UQ-ĐP ngày 30/12/2022).

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 01 người (Tổng Giám đốc).

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 144 người.

- Đã giao kết hợp đồng lao động với 144 người thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 88 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng: 53 người.

+ Hợp đồng xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng: 03 người.

- Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: không.

- Hợp đồng thử việc: không.

- Kiểm tra 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, mục công việc phải làm ghi: “theo sự phân công của Trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền” là không không đúng quy định.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra tại doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra, doanh nghiệp có 148 lao động thôi việc; doanh nghiệp đã chi trả trợ cấp thôi việc cho 17/17 lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 206.557.750 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc. Tuy nhiên, số lượng người lao động tham gia đối thoại chưa đảm bảo theo quy định.

Trước ngày bắt đầu tổ chức đối thoại định kỳ 05 ngày làm việc, bên có trách nhiệm chưa gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại theo quy định.

- Doanh nghiệp đã ký kết TULĐTT ngày 18/6/2022 và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kiểm tra hồ sơ TULĐTT tại doanh nghiệp không có biên bản cuộc họp thương lượng tập thể.

- Đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.

- Đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc (kèm theo quyết định số 12a/2021/QĐ-ĐP ngày 05/4/2021 của Tổng Giám đốc).

5. Tiền lương và thu nhập

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và định mức lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và định mức lao động ban hành kèm theo quyết định số 69/2022/QĐ-ĐP ngày 09/6/2022 của Tổng Giám đốc.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) được xếp theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ)

Nội dung	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lao động	HSLBQ/MLBQ	Số lao động	HSLBQ/MLBQ
Lao động quản lý	14	10.147	17	10.206
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	43	5.514	36	5.958
Công nhân trực tiếp SXKD	96	4.904	87	4.927
Nhân viên thừa hành, phục vụ	13	4.573	11	4.750
Tổng số	166		151	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) hoặc mức phụ cấp bình quân (MPCBQ)

Các loại phụ cấp	Năm 2021		Năm 2022	
	Số người	HSPCBQ	Số người	HSPCBQ
PCCC	1	968.500	4	884.000
Cấp ủy các cấp	10	354.517	10	356.816
Đoàn thanh niên các cấp	7	678.323	8	603.532
Bình quân chung		514.551		542.382

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã xin ý kiến Tập đoàn Dệt May Việt Nam về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021, 2022; quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của người lao động (văn bản số 11/CV-VNC ngày 14/3/2021, văn bản đề ngày 05/01/2022 và văn bản đề ngày 26/12/2022); chưa xin ý kiến quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2022.

- Quỹ tiền lương kế hoạch: năm 2021 là 36.530 triệu đồng, năm 2022 là 35.698 triệu đồng.

- Quỹ tiền lương thực hiện: năm 2021 là 27.390 triệu đồng, năm 2022 là 23.099 triệu đồng.

- Doanh nghiệp đã ban hành quy chế trả lương, quy chế thưởng kèm theo quyết định số 59/QĐ-ĐP ngày 18/9/2021 của Tổng Giám đốc.

- Việc thực hiện phân phối quỹ tiền lương:

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2021 là 10,57 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2021 là 8,9 triệu đồng/người/tháng.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm năm 2022 là 11,95 triệu đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ; tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm.

- Doanh nghiệp đã trả đủ tiền lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Doanh nghiệp không khấu trừ tiền lương của người lao động, xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp tổ chức nấu ăn cho toàn thể người lao động, đối với lao động làm ca 12 giờ được hỗ trợ thêm suất ăn phụ thanh toán bằng tiền.

- Các khoản phụ cấp khác: không.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	Triệu đồng/người/tháng		8.764			10.437	
2	Phụ cấp	Triệu đồng/người/tháng		-			-	
3	Tiền thưởng	Triệu đồng/người/tháng		-			-	
4	Thu nhập khác	Triệu đồng/người/tháng		1.433			1.417	
5	Tổng thu nhập	Triệu đồng/người/tháng		10.197			11.854	

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Số lượng người quản lý chuyên trách là 04, trong đó: ban Tổng Giám đốc (02 người), kiểm soát viên (01 người) và kế toán trưởng.

- Số lượng người quản lý không chuyên trách là 04 người: hội đồng thành viên (03 người), kiểm soát viên (01 người).

- Người đại diện vốn doanh nghiệp đã xin ý kiến Tập đoàn Dệt May Việt Nam về quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021, 2022; quỹ tiền lương, thù

lao thực hiện năm 2021 của người quản lý (văn bản số 11/CV-VNC ngày 14/3/2021, văn bản đề ngày 05/01/2022 và văn bản đề ngày 26/12/2022); chưa xin ý kiến quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2022.

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch và thực hiện của người quản lý:

+ Năm 2021: quỹ tiền lương bình quân kế hoạch năm 2021 của người quản lý chuyên trách là 864 triệu đồng (tương ứng 45,5 triệu đồng/người/tháng) đối với trường hợp công ty có lợi nhuận dưới 50 tỷ. Trên cơ sở quỹ tiền lương kế hoạch, doanh nghiệp xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của người quản lý chuyên trách làm đại diện phần vốn là 1,015 triệu đồng (tương ứng lương bình quân 42,3 triệu đồng/người/tháng) là chưa đúng quy định.

+ Năm 2022: doanh nghiệp xác định quỹ lương bình quân kế hoạch năm 2022 của người quản lý chuyên trách làm đại diện phần vốn là 1,104 triệu đồng (tương ứng 46 triệu đồng/người/tháng) đối với trường hợp doanh nghiệp lỗ. Trên cơ sở mức tiền lương kế hoạch, doanh nghiệp xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của người quản lý chuyên trách làm đại diện phần vốn là 1,015 triệu đồng (tương ứng lương bình quân 42,3 triệu đồng/người/tháng) là chưa đúng quy định.

Đối với người quản lý không phải là người đại diện phần vốn thì doanh nghiệp quyết định mức tiền lương bình quân thực hiện bảo đảm cân đối hợp lý với tiền lương của người quản lý là người đại diện phần vốn sau khi xác định theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.

- Phân phối tiền lương, thù lao đối với người quản lý:

+ Tiền lương của người quản lý: năm 2021, tiền lương thấp nhất 15,57 triệu đồng/người/tháng, tiền lương cao nhất 38,73 triệu đồng/người/tháng; năm 2022, tiền lương thấp nhất 12,27 triệu đồng/người/tháng, tiền lương cao nhất 37,85 triệu đồng/người/tháng.

+ Thù lao của người quản lý không chuyên trách: thù lao thấp nhất là 1,7 triệu đồng/người/tháng, cao nhất là 3 triệu đồng/người/tháng.

5.2.2. Tiền thưởng

- Doanh nghiệp không trích lập quỹ khen thưởng.

- Các khoản thu nhập khác: không.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Người đại diện vốn đã tham gia ý kiến với Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào Điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Người đại diện vốn đã tổng hợp phương án dự kiến của doanh nghiệp về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước, quỹ tiền

lương, thù lao, quỹ tiền thưởng kế hoạch của người lao động và người quản lý doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

- Người đại diện vốn đã đề xuất và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Người đại diện vốn đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp hằng năm sau khi Hội đồng thanh viên thông qua.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần: 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân một tháng ít nhất 04 ngày; thực hiện nghỉ chuyển ca, nghỉ giữa ca theo quy định.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không quá 40 giờ/tháng, 300 giờ/năm.

- Đã thực hiện đúng các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động tại doanh nghiệp trong điều kiện bình thường là 12 ngày, lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền.

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nội quy lao động chưa quy định nội dung trách nhiệm vật chất.

- Số vụ việc xử lý kỷ luật lao động: 0 vụ.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Số lao động nữ: 57 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Tổng số người lao động cao tuổi: 03 người.

- Việc thực hiện chế độ giảm giờ làm việc đối với người lao động cao tuổi: doanh nghiệp và người lao động cao tuổi không thỏa thuận về việc giảm giờ làm.

- Đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động cao tuổi 06 tháng một lần.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Từ 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp về lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 83 người; doanh nghiệp không sử dụng lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 23 người.

- Doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến của tổ chức Công đoàn cơ sở.

- Doanh nghiệp không thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

- Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên: không thành lập.

- Doanh nghiệp đã đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 01 người (làm việc theo chế độ bán chuyên trách).

- Đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Bệnh viện Sài Gòn TG để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại doanh nghiệp.

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 10 máy, thiết bị (06 bình chứa khí nén, 02 xe nâng hàng, 02 đường ống dẫn hơi, nước nóng) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn đạt yêu cầu và còn thời hạn kiểm định.

- Doanh nghiệp đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:

+ Năm 2021, đã tổ chức huấn luyện cho 182 người (nhóm 1: 02 người, nhóm 3: 09 người, nhóm 4: 171 người).

+ Năm 2022, đã tổ chức huấn luyện cho 173 người (nhóm 1: 24 người, nhóm 2: 01 người, nhóm 3: 27 người, nhóm 4: 121 người).

+ Thẻ an toàn lao động do Công ty Cổ phần An toàn Nam Phát (là tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động) ký, đóng dấu, cấp cho người lao động nhóm 3 của doanh nghiệp là không đúng quy định.

- Doanh nghiệp đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định và lập sổ theo dõi.

- Doanh nghiệp đã bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa hộp) cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, mức 10.000 đồng/người/suất. Tuy nhiên, việc cấp hiện vật cho người lao động chưa thực hiện trong ca hoặc trong ngày làm việc (doanh nghiệp tổng hợp suất bồi dưỡng để cấp một lần trong tháng) là không đúng quy định.

- Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã quan trắc môi trường lao động năm 2021, 2022, không có mẫu đo vượt tiêu chuẩn cho phép.

- Doanh nghiệp đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 năm một lần cho người lao động; 06 tháng một lần cho người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và người lao động cao tuổi; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

- Doanh nghiệp đã tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp.

- Doanh nghiệp đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 142 người.

- Số người đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 142 người.

- Số người chưa tham gia: không.

- Số lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: 03 người lao động cao tuổi đã hưởng chế độ hưu trí. Đối với người lao động không thuộc đối tượng tham gia, doanh nghiệp đã chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương

với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp của người lao động theo mức lương ghi trong hợp đồng lao động và phụ cấp chức vụ.

- Tổng số tiền đã nộp về cơ quan bảo hiểm xã hội qua các năm: năm 2021 là 3.084 triệu đồng, năm 2022 là 4.055 triệu đồng, tháng 01 năm 2023 là 269 triệu đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp về cơ quan bảo hiểm xã hội đến hết tháng 01/2023.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương; báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện tuyển dụng lao động theo quy trình tuyển dụng của Tổng Giám đốc doanh nghiệp.

1.3. Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động; không giữ văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động khi được tuyển dụng.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động; chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động đúng quy định; đã trả đủ tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

1.7. Đã xây dựng TULĐTT và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.

1.8. Đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương.

1.10. Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã:

- Xin ý kiến Tập đoàn Dệt May Việt Nam về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021, 2022; quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của người lao động. Đã ban hành quy chế trả lương, quy chế thưởng.

- Xin ý kiến Tập đoàn Dệt May Việt Nam về quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021, 2022; quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của người quản lý.

- Tham gia ý kiến với Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào Điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Tổng hợp phương án dự kiến của doanh nghiệp về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước, quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng kế hoạch của người lao động và người quản lý doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

- Đề xuất và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp hằng năm sau khi Hội đồng thành viên thông qua.

1.11. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ, ngày lễ; tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm theo quy định.

1.12. Tổ chức nấu ăn cho toàn thể người lao động, đối với lao động làm 12 giờ/ca được hỗ trợ thêm suất ăn phụ thanh toán bằng tiền.

1.13. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. Thời gian làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 300 giờ/năm.

1.14. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

1.15. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, lao động là người cao tuổi.

1.16. Đã thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động như sau:

- Phân loại 83 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 23 người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến của tổ chức đại diện tập thể người lao động.

- Tổ chức đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Bố trí 01 người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách.

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Bệnh viện Sài Gòn TG để cung cấp dịch vụ y tế cho doanh nghiệp.

- Sử dụng 10 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định kỹ thuật an toàn đạt yêu cầu và còn thời hạn kiểm định.

- Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động (năm 2021 là 182 người, năm 2022 là 173 người).

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập sổ theo dõi cấp phát.

- Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Thực hiện quan trắc môi trường lao động.

- Trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động theo quy định. Lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản.

- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp.

- Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe người lao động.

1.17. Đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho 100% người thuộc đối tượng bắt buộc tham gia.

- Tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp của người lao động theo mức lương ghi trong hợp đồng lao động và phụ cấp chức vụ.

- Đã chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đối với người lao động không thuộc đối tượng tham gia.

- Đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp đến hết tháng 01/2023.

2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Bước 6 đánh giá sau thử việc/học nghề tại điểm 1.2 mục 1 phần VI trong quy trình tuyển dụng quy định: “nếu người thử việc không đạt thỏa thuận với người lao động để thử việc lại” là không đúng quy định tại Điều 25 Bộ luật Lao động.

2.2. Hợp đồng lao động đã ký với người lao động, mục công việc phải làm ghi: “theo sự phân công của Trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền” là không đúng quy định tại Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Số người lao động tham gia đối thoại định kỳ chưa đảm bảo theo quy định tại tiết a2 điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

2.4. Trước ngày bắt đầu tổ chức đối thoại định kỳ 05 ngày làm việc, bên có trách nhiệm chưa gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.5. Hồ sơ TULĐTT không có biên bản thương lượng tập thể theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa xin ý kiến Tập đoàn Dệt May Việt Nam về quỹ tiền lương thực hiện 2022 của người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

2.7. Chưa xin ý kiến Tập đoàn Dệt May Việt Nam quỹ tiền lương thực hiện 2022 của người quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

2.8. Doanh nghiệp xác định mức lương bình quân kế hoạch năm 2021, 2022; mức lương bình quân thực hiện năm 2021, 2022 của người đại diện phần vốn không đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ (tối đa không quá 36 triệu đồng áp dụng đối với doanh nghiệp có lợi nhuận dưới 50 tỷ đồng).

2.9. Nội quy lao động chưa quy định nội dung trách nhiệm vật chất theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.10. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.11. Thẻ an toàn lao động do Công ty cổ phần An toàn Nam Phát (là tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động) ký, đóng dấu, cấp cho người lao động nhóm 3 là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.12. Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động chưa thực hiện trong ca hoặc trong ngày làm việc là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: không.

V. KIẾN NGHỊ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp khắc phục sai phạm tại Kết luận này như sau:

Vi phạm số 2.2, 2.6, 2.7, 2.8 và 2.9 khắc phục khi có phát sinh.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận này, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dệt kim Đông Phương phải báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện kiến nghị và các tài liệu chứng minh việc thực hiện kiến nghị thanh tra của doanh nghiệp, gửi về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Chánh thanh tra (đề b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Hữu Long

Handwritten text in a curved stamp, possibly a date or reference number.

